

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~8337~~/VP-VX

Hải Phòng, ngày 08 tháng 7 năm 2026

V/v triển khai thực hiện chính sách miễn
phí sách giáo khoa giáo dục phổ thông
cho học sinh trên địa bàn thành phố

Kính gửi:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Tài chính.

Xét báo cáo và đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 4187/SGDDĐT-KHTC ngày 06/7/2026 về việc triển khai miễn phí sách giáo khoa giáo dục phổ thông cho học sinh trên toàn thành phố (gửi kèm theo),

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố có ý kiến như sau:

1. Đồng ý triển khai thực hiện chính sách miễn phí sách giáo khoa giáo dục phổ thông cho học sinh trên địa bàn thành phố từ năm học 2027-2028 theo đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 4187/SGDDĐT-KHTC ngày 06/7/2026.

2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, phương án triển khai; tham mưu bố trí kinh phí và tổ chức thực hiện theo đúng quy định, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố thông báo để Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, các cơ quan liên quan thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT Vũ Tiến Phụng;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- CPVP UBND thành phố;
- Phòng NV&KTGS;
- Lưu: VT, Đ.H.Hưng.

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Thanh Hùng

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4187/SGDĐT-KHTC

Hải Phòng, ngày 06 tháng 7 năm 2026

Về việc đề xuất triển khai miễn phí sách
giáo khoa giáo dục phổ thông cho học sinh
trên toàn thành phố

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố.

VĂN PHÒNG UBND TP HẢI PHÒNG		
ĐẾN Số: .51047..... Ngày: .06/07/2026.....		
Chuyển:		
Số và ký hiệu HS:		
ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	CÁN BỘ
CT Đ.T.Trung	chính sách	đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá, phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị định số 271/2026/NĐ-CP ngày 03/7/2026 của chính phủ Quy định về
PCT TT L.A.Quân	miễn phí	sách giáo khoa giáo dục phổ thông và miễn học phí, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh tại cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; Để việc triển khai miễn phí sách giáo khoa giáo dục phổ thông cho học sinh trên địa bàn thành phố Hải Phòng đảm bảo hiệu quả, tránh lãng phí, Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố như sau:
PCT V.T.Phụng		
PCT L.T.Kiên		
PCT N.M.Hùng		
PCT T.V.Quân		
PCT H.M.Cường		
Q.CVP N.H.Long		
PCVP T.V.Thiện		
PCVP N.T.Hùng		
PCVP P.A.Tuấn		
PCVP P.H.Hoàng		
PCVP T.N.Hùng		
P. NV&KT,GS		
P. NC		
P. NN&MT		
P. TC		
P. TH		
P. VX		
P. XD&CT		
Ban TCDTP		
P. HC-QT		
TTPVHCCTP		
TTHN&NKTP		
Cổng TTĐTTP		

Căn cứ Nghị quyết số 248/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá, phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị định số 271/2026/NĐ-CP ngày 03/7/2026 của chính phủ Quy định về miễn phí sách giáo khoa giáo dục phổ thông và miễn học phí, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh tại cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; Để việc triển khai miễn phí sách giáo khoa giáo dục phổ thông cho học sinh trên địa bàn thành phố Hải Phòng đảm bảo hiệu quả, tránh lãng phí, Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố như sau:

1. Thực trạng quy mô trường lớp, đội ngũ và nhu cầu sách giáo khoa đối với học sinh trên địa bàn thành phố và dự kiến kinh phí trang bị

1.1. Về quy mô trường, lớp, học sinh.

Năm học 2026-2027, toàn thành phố có 1.002 cơ sở giáo dục phổ thông và thường xuyên (trong đó: Tiểu học: 437, THCS: 426; THPT: 129; TT GDTX, GDNN-GDTX: 10) với dự kiến tổng số 22.043 lớp, 810.681 học sinh từ cấp tiểu học đến THPT, 26.894 học viên hệ giáo dục thường xuyên.

1.2. Về đội ngũ giáo viên

Toàn thành phố hiện có 40.288 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên làm việc trong các cơ sở giáo dục tự thực và công lập từ cấp tiểu học đến THPT, Giáo dục thường xuyên. Trong đó số giáo viên trực tiếp giảng dạy là 35.038 người (Tiểu học: 15.398; THCS: 12.992; THPT: 6.162; GDTX: 486).

1.3. Về nhu cầu sách giáo khoa và dự kiến kinh phí trang bị ban đầu

- Đối với học sinh: Mỗi học sinh được mượn 01 bộ sách giáo khoa đầy đủ các môn học tương ứng với chương trình giảng dạy tại lớp (Riêng đối với cấp THPT, nhu cầu về sách giáo khoa chỉ là dự báo do còn phụ thuộc vào nhu cầu đăng ký các môn học tự chọn của học sinh).

- Đối với giáo viên: Mỗi giáo viên trực tiếp giảng dạy được mượn 01 bộ sách giáo khoa bao gồm đầy đủ các lớp trong toàn cấp học của môn học mình đảm nhiệm.

- Dự kiến kinh phí trang bị ban đầu: Để đáp ứng nhu cầu về sách giáo khoa miễn phí cho 100% học sinh và giáo viên trên địa bàn thành phố, dự kiến tổng ngân sách thành phố phải chi là 241.517 triệu đồng.

(Chi tiết nhu cầu và dự kiến kinh phí theo Phụ lục gửi kèm công văn).

2. Quy trình triển khai, khó khăn

2.1. Thời gian triển khai

- Theo Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về Đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, phấn đấu tới năm 2030 cung cấp sách giáo khoa miễn phí cho tất cả học sinh.

- Theo Điều 9 Nghị định 271/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về miễn phí sách giáo khoa giáo dục phổ thông và miễn học phí, giáo trình môn học giáo dục quốc phòng và an ninh tại cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, chính sách miễn phí sách giáo khoa cho tất cả học sinh trên phạm vi toàn quốc chính thức áp dụng từ năm học 2029-2030. Đối với các địa phương có khả năng cân đối ngân sách được khuyến khích thực hiện sớm hơn quy định.

2.2. Một số khó khăn vướng mắc khi triển khai miễn phí sách giáo khoa cho học sinh vào năm học 2026-2027

- Để kịp thời trang bị đầy đủ sách giáo khoa ban đầu cho học sinh vào đầu năm học theo phương thức mua sắm tập trung (theo Nghị định 271/2026/NĐ-CP của Chính phủ), việc xây dựng kế hoạch và tổ chức mua sắm phải thực hiện từ tháng 6,7/2026. Tuy nhiên, việc thống kê chính xác số lượng sách giáo khoa theo nhu cầu của học sinh, đặc biệt là đối với học sinh khối 10 của năm học tới là rất khó khăn do đến tháng 7, 8/2026 học sinh lớp 10 mới thực hiện nộp hồ sơ trúng tuyển và đăng ký môn học tự chọn. Như vậy, nếu thực hiện mua sách giáo khoa tại thời điểm tháng 7/2026 để trang bị cho các nhà trường học sẽ dễ gây nguy cơ lãng phí tài sản công khi sách mua về không được sử dụng.

- Nguồn kinh phí chi sự nghiệp giáo dục và kế hoạch đầu tư công trung hạn của thành phố năm 2026 đã được phê duyệt. Việc bố trí đột xuất nguồn kinh phí tương đối lớn để mua sắm 100% sách giáo khoa ban đầu cho tất cả học sinh, giáo viên các cấp học phổ thông, thường xuyên sẽ gây áp lực đáng kể lên ngân sách địa phương.

- Từ năm 2025 trở về trước, việc mua sắm sách giáo khoa đều do các đơn vị trường học thực hiện với giá trị rất nhỏ hoặc do phụ huynh học sinh tự trang bị, không hình thành những gói thầu có giá trị lớn tổ chức đấu thầu rộng rãi. Do đó khi thực hiện đấu thầu những gói thầu có giá trị lớn sẽ khó có nhà thầu đáp ứng yêu cầu về năng lực theo quy định của Luật Đấu thầu.

2.3. Đề xuất, kiến nghị

Để đảm bảo tính khả thi, hiệu quả, tránh lãng phí ngân sách nhà nước, Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất UBND thành phố triển khai thực hiện miễn phí sách giáo khoa cho học sinh toàn thành phố từ năm học 2027-2028.

Sở Giáo dục và Đào tạo kính báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, cho ý kiến chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KHTC;

GIÁM ĐỐC



Lương Văn Việt

PHỤ LỤC I
DỰ KIẾN KINH PHÍ MUA SÁCH GIÁO KHOA CHO HỌC SINH

Khối lớp	Số học sinh	Nhu cầu trang bị (bộ)	Đơn giá (đồng/bộ)	Thành tiền (đồng)
Tiểu học				
Lớp 1	65.638	65.638	157.000	10.305.166.000
Lớp 2	69.118	69.118	155.200	10.727.113.600
Lớp 3	66.535	66.535	191.600	12.748.106.000
Lớp 4	69.129	69.129	200.900	13.888.016.100
Lớp 5	63.524	63.524	206.700	13.130.410.800
Cộng:	333.944			60.798.812.500
THCS				
Lớp 6	74.185	74.185	210.700	15.630.779.500
Lớp 7	75.081	75.081	209.300	15.714.453.300
Lớp 8	74.888	74.888	220.100	16.482.848.800
Lớp 9	88.510	88.510	242.200	21.437.122.000
Cộng:	312.664			69.265.203.600
THPT				
Lớp 10	60.388	60.388	336.880	20.343.509.440
Lớp 11	52.075	52.075	353.430	18.404.867.250
Lớp 12	51.610	51.610	365.100	18.842.811.000
Cộng:	164.073			57.591.187.690
GDTX				
Lớp 10	7.872	7.872	292.486	2.302.449.792
Lớp 11	9.722	9.722	311.940	3.032.680.680
Lớp 12	9.300	9.300	320.740	2.982.882.000
Cộng:	26.894			8.318.012.472
Tổng cộng:				195.973.216.262

Học sinh THPT chọn 4/9 môn lựa chọn được tính bình quân theo 1 môn x 4

PHỤ LỤC I
DỰ KIẾN KINH PHÍ MUA SÁCH GIÁO KHOA CHO GIÁO VIÊN

Môn dạy	Số giáo viên	Nhu cầu trang bị (bộ)	Đơn giá (đồng/bộ)	Thành tiền (đồng)
Tiểu học				
Chung	12.065	60.325	602.400	36.339.780.000
Thể chất	480	2.400	58.500	140.400.000
Âm nhạc	597	2.985	39.300	117.310.500
Mỹ thuật	554	2.770	50.500	139.885.000
Công nghệ	4	20	21.800	436.000
Tin học	364	1.820	25.000	45.500.000
Tiếng Anh	1.334	6.670	138.900	926.463.000
Cộng:	15.398			37.709.774.500
THCS				
Ngữ văn	2.875	11.500	138.800	1.596.200.000
Toán	2.881	11.524	127.000	1.463.548.000
Tiếng Anh	1.729	6.916	135.000	933.660.000
Thể chất	779	3.116	50.500	157.358.000
Khoa học TN	1.957	7.828	100.200	784.365.600
Lịch sử Địa lý	1.165	4.660	99.600	464.136.000
Công nghệ	461	1.844	61.200	112.852.800
Tin học	476	1.904	42.000	79.968.000
Nghệ thuật	149	596	66.400	39.574.400
HD trải nghiệm	59	236	31.100	7.339.600
Giáo dục CD	461	1.844	30.500	56.242.000
Cộng:	12.992			5.695.244.400
THPT				
Ngữ văn	929	2.787	146.700	408.852.900
Toán	1.066	3.198	105.800	338.348.400
Tiếng Anh	875	2.625	101.700	266.962.500
Lịch sử	367	1.101	64.100	70.574.100
GD thể chất	398	1.194	138.600	165.488.400
GD QPAN	149	447		-
Địa lý	304	912	78.800	71.865.600
GD kinh tế PL	261	783	83.500	65.380.500
Vật lý	489	1.467	73.100	107.237.700
Hóa học	474	1.422	75.500	107.361.000
Sinh học	289	867	97.600	84.619.200
Công nghệ	188	564	173.300	97.741.200
Tin học	313	939	187.800	176.344.200

Mỹ thuật	16	48	214.000	10.272.000
Âm nhạc	28	84	70.000	5.880.000
HD trải nghiệm	16	48	30.200	1.449.600
Cộng:	6.162			1.978.377.300
GDTX				
Ngữ văn	98	294	146.700	43.129.800
Toán	116	348	105.800	36.818.400
Lịch sử	48	144	64.100	9.230.400
Địa lý	31	93	78.800	7.328.400
GD kinh tế PL	21	63	83.500	5.260.500
Vật lý	44	132	73.100	9.649.200
Hóa học	41	123	75.500	9.286.500
Sinh học	25	75	97.600	7.320.000
Công nghệ	22	66	173.300	11.437.800
Tin học	36	108	187.800	20.282.400
HD trải nghiệm	4	12	30.200	362.400
Cộng:	486			160.105.800
Tổng cộng:				45.543.502.000

